

Bản án số: 38/2024/DS-PT
Ngày 25/01/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Bà Nguyễn Thị Trang Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 471/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Phượng H**, sinh năm 1966; Địa chỉ: 100/0C Nguyễn Văn C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1966; Địa chỉ: tổ 0, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3/ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đào Công H1**, sinh năm 1966; Địa chỉ: tổ 0, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 21-3-2023 và trong quá trình tố tụng:

Khoảng đầu năm 2018, bà N có nhờ bà chơi hội dùm, dây hội có 20 phần, hội ngày, đóng hàng tháng số tiền 3.700.000 đồng. Mỗi lần bà đóng tiền hội

không có làm giấy nhận tiền, số tiền tăng lên qua các lần đóng không cố định. bà đóng số tiền tổng cộng khoảng 130.000.000 đồng. đến giữa năm 2018 hụi bị bẻ thì ngưng luôn nên tính lại và làm giấy nhận nợ. Còn tiền vay thì bà N có vay của bà nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng giữa năm 2017, vay 20.000.000 đồng

Lần 2: Cách lần vay đầu khoảng 01 tháng, số tiền 30.000.000 đồng

Lần 3: Cuối năm 2017, vay số tiền 30.000.000 đồng

Lần 4: Khoảng giữa năm 2018, vay số tiền 20.000.000 đồng.

Các lần vay tiền nêu trên, đều có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm kể từ khi vay.

Ngoài ra trong năm 2018, bà có cho bà N mượn tiền 03 lần, thời gian không nhớ cụ thể, tổng số tiền cho mượn là 50.000.000 đồng. Đối với khoản tiền vay thì bà N đóng lãi đến giữa năm 2018 thì không đóng nữa đến nay. Các khoản tiền bà không nhớ chính xác, nhưng tính đến giữa năm 2018 tính hết tổng số nợ là 252.000.000 đồng (Trong đó: tiền hụi là 62.000.000đ, tiền mượn là 40.000.000đ và tiền vay là 150.000.000đ) nên đến ngày 30/9/2019 làm giấy xác nhận nợ. Đến khoảng tháng 7/2020, bà N có trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng, vì vậy bà N còn nợ là 202.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà N cố tình né tránh và từ lúc làm giấy xác nhận nợ đến nay, bà N cũng không trả tiền lãi lần nào nên bà khởi kiện yêu cầu bà N số tiền 190.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi (có giảm bớt một phần tiền gốc và lãi).

- *Bị đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:* Vào ngày 29/01/2016, bà có mượn của bà H số tiền là 50.000.000 đồng, đóng lãi mỗi tháng là 5.000.000 đồng và đóng được đến năm 2020 thì bà không còn khả năng đóng nữa nên số tiền lãi tăng lên đến 200 triệu đồng. Bà không có chơi hụi gì với bà H. Đến năm 2021, bà H tự viết giấy nợ và bắt buộc bà ký tên vào nếu không ký thì bà H sẽ cho xã hội đen thanh toán nên bà sợ mới ký và không có đọc lại nội dung. Bà chỉ có hỏi vay 50.000.000 đồng và chồng bà (ông Đào Công H1) đã trả nợ xong cho bà H nên hiện tại không còn nợ bà H nữa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đào Công H1 trình bày:*

Vào ngày 29/01/2015, vợ ông (bà Nguyễn Thị N) có vay tiền của bà H 05 lần, mỗi lần 10.000.000đ, tổng số tiền là 50.000.000đ, bà H tính lãi 03 năm với số tiền lời là 150.000.000 đồng, bà H không có làm chủ hụi nên vợ ông không có tham gia chơi hụi với bà H. Do đó, bà H nói vợ ông thiếu 62.000.000đ tiền hụi là vô lý. Vợ ông đóng lời đến năm 2019 thì không còn khả năng đóng nữa. Sau đó, bà H mới nói cho ông biết là vợ ông vay tiền của bà H và thiếu 03 năm tiền lời mà vợ ông không đóng. Bà H bắt vợ ông ký giấy nợ rồi hăm cho xã hội đen thanh

toán. Sau khi vợ ông ký giấy nợ xong thì bà H mới nói cho ông biết. Sau đó, ông trả cho bà H số tiền vốn là 50.000.000đ nhưng bà H không chấp nhận trả tiền vốn mà phải trả tiền lãi, trong khi bà H đã lấy

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Phượng H số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín chục triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 08/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng: sửa bản án sơ thẩm, không buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 190.000.000 đồng, vì bị đơn chỉ có vay 50.000.000 đồng nhưng đã trả xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn số tiền nợ 40.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn phải trả 150.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm quyết định buộc bị đơn phải trả nợ theo nội dung biên nhận nợ mà bị đơn đã ký là phù hợp. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện giảm bớt cho bị đơn số tiền 40.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay theo “Giấy xác nhận” vay nợ ngày 30/9/2019, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo nội dung tờ “Giấy xác nhận” vay nợ thì bị đơn bà Nguyễn Thị N có vay của nguyên đơn bà Trần Thị Phương H số tiền 252.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 5.000.000đồng/tháng (đóng lãi vào ngày 30 âm lịch hàng tháng). Các bên trình bày thống nhất, bị đơn có trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng (theo Giấy nhận tiền, trả vào ngày 13/7/2020). Bị đơn cho rằng, mình chỉ có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng và đã trả xong, còn giấy xác nhận có nội dung vay của bị đơn số tiền 252.000.000 đồng là do nguyên đơn đe dọa, ép buộc bị đơn ký, thực tế không có vay mượn số tiền này. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng khẳng định, mình bị nguyên đơn ép buộc ký giấy nhận nợ nhưng lại không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay theo nội dung giấy xác nhận vay tiền cho nguyên đơn như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[3] Theo nội dung giấy xác nhận vay nợ thì bị đơn vay của nguyên đơn số tiền là 252.000.000 đồng, đến ngày 13/7/2020 trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 202.000.000 đồng. Khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 190.000.000 đồng là đã có lợi cho bị đơn, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, qua phân tích, động viên của Hội đồng xét xử, nguyên đơn tự nguyện giảm bớt cho bị đơn số tiền nợ 40.000.000 đồng, số tiền còn lại phải trả 150.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

[5] Do vậy, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm tại phiên tòa.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn có giảm so với quyết định của cấp sơ thẩm nên tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu cũng giảm tương ứng theo quy định, cụ thể: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Phương H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm chục triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị Phương H được nhận lại tiền tạm ứng án phí 5.050.000đ (Năm triệu không trăm năm chục ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007824 ngày 21/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001633 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- TAND H. Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh